

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 20/8/2020

V/v "*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nhỏ.

2. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bình An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 03/2020/TLST-DS ngày 08/01/2020 về việc "***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam; Địa chỉ: 22 Ngô Quyền, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M - Chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản theo văn bản ủy quyền số 10998/UQ-PVB ngày 02/11/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng.

Ủy quyền lại cho ông N - Chuyên viên tổ tụng khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản; Địa chỉ: Lô A21 đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy ủy quyền số 17041/UQ-PVB ngày 06/12/2019. Ông Linh có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông A, sinh năm 1977 và bà T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Ông A và bà T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2019, bản tự khai ngày 08/01/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam là ông N trình bày:

Vợ chồng ông A và bà T có địa chỉ cư trú tại thị trấn B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai (Trước đây ở thôn 1 (nay là tổ dân phố A), thị trấn B, hiện nay chuyển đến cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai). Để phục vụ mục đích mua ô tô tiêu dùng, ngày 04/10/2017 ông A và bà T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0810/217/HĐTD/PVB-QN với Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với số tiền là 576.000.000đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng); Thời hạn cho vay: 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/10/2023. Mục đích sử dụng vốn: mua xe ô tô tiêu dùng. Lãi suất cho vay: theo khế ước nhận nợ, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng LSCS + Biên độ tối thiểu 4%/năm, kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần (LSCS là lãi suất tiền gửi Đại Chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, loại tiền VND kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ), lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm; Kỳ trả nợ hàng tháng: Ngày 04 hàng tháng. Để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, ngày 04/10/2017 ông A và bà T dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là xe ô tô tải Picup cabin kép, màu ghi vàng, nhãn hiệu Ford, dung tích 2198, số chỗ ngồi 05, số khung: FF80HW757517, số máy: P4AT2491167, biển số 81C-13611 có Giấy đăng ký xe ô tô số 022803 ngày cấp 29/9/2017 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Gia Lai cấp cho ông Nguyễn Hoàng Anh thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp số 0810/2017/HĐBĐ-PVB-QN. Hợp đồng thế chấp này đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/10/2017 theo quy định của pháp luật. Ông A và bà T tiếp tục quản lý, sử dụng xe ô tô biển số 81C-136.11, Ngân hàng chỉ quản lý, giữ bản gốc Giấy đăng ký xe ô tô số 022803, ngày cấp 29/9/2017 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Gia Lai cấp cho ông A.

Sau khi ký kết Hợp đồng thế chấp số 0810/2017/HĐBĐ-PVB-QN, Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã thực hiện giải ngân một lần cho ông A và bà T số tiền 576.000.000đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Hàng tháng ông A và bà T phải thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng tín dụng 0810 cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam. Tính đến ngày 20/8/2020, tổng số tiền mà ông A và bà T đã trả cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam là 150.202.354đ (Một trăm năm mươi triệu hai trăm lẻ hai nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng), trong đó có 96.000.000đ (Chín mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và 54.202.354đ (Năm mươi bốn triệu hai trăm lẻ hai nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng) tiền lãi.

Từ ngày 04/10/2018 ông A và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Hợp đồng tín dụng số 0810. Dư nợ tính đến ngày 05/11/2019 là 553.956.482đ (Năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và nợ lãi là 73.956.482đ (Bảy mươi ba triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã nhiều lần có văn bản đề nghị thanh toán cũng như trực tiếp trao đổi với ông A và bà T nhưng họ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai để yêu cầu vợ chồng ông A, bà T phải trả toàn bộ số nợ gốc là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi trên khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0810/2017/HĐTD/PVB-QN.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/8/2020 và bản trình bày ngày 20/8/2020 người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam là ông N yêu cầu Tòa án buộc ông A và bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số nợ gốc là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày 20/8/2020 là 133.404.493đ (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Tổng cộng là 613.404.494đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng). Trong đó: nợ gốc là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng); nợ lãi trên gốc trong hạn và quá hạn là 124.074.108đ; lãi suất chậm trả lãi: 9.330.385đ. Đồng thời Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam yêu cầu ông A và bà T tiếp tục phải trả các khoản nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi suất phạt theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0810/2017/HĐTD/PVB-QN ngày 04/10/2017 kể từ ngày xét xử cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp ông A và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0810/2017/HĐBĐ-PVB-QN ngày 04/10/2017 để thanh toán khoản nợ của ông A và bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông A và bà T nhưng họ không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/02/2020 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận kinh doanh số 0101057919 (Bản sao chứng thực); Quyết định số 2018/QĐ-NHNN ngày 12/9/2013 của NHNN về việc hợp nhất Ngân hàng TMCP Phương Tây và Tổng công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam (Bản sao chứng thực); Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 279/GP-NHNN cấp ngày 16/9/2013 (Bản sao chứng thực); Giấy ủy quyền số 10998 ngày 02/11/2017 (Bản sao chứng thực); Quyết định bổ nhiệm số 10548 ngày 18/10/2017 (Bản sao); Giấy ủy quyền cho cán bộ tham gia tố tụng (Bản chính); CMND của A và T (Bản sao); Giấy đăng ký kết hôn của A và T (Bản sao); Sổ hộ khẩu của A và T (Bản sao); Hợp đồng cho vay số 0810/2017/HĐTD/PVB-QN (Bản sao chứng thực); Khế ước nhận nợ 0810/2017/KUNN ngày 04/10/2017 (Bản sao chứng thực); Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0810/2017 (Bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022803 (Bản sao); Các thông báo của PVB (Bản gốc); Căn cước công dân M (Bản sao chứng thực); Giấy CMND N (Bản sao chứng thực).

Những tài liệu, chứng cứ do Tòa án Thu thập: 01 (Một) Biên bản xác minh ngày 10/01/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông A và bà T không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có lời khai tại hồ sơ. Vào các phiên hòa giải ngày 28/02/2020 và ngày 05/6/2020 vợ chồng ông A cũng không đến nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467; Điều 299; Điều 317; Khoản 6 Điều 320; Khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Buộc ông A và bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 0810/2017/HĐTD/PVB-QN giữa Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam và vợ chồng ông A, bà T. Trường hợp ông A và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0810/2017/HĐBĐ-PVB-QN ngày 04/10/2017 để thanh toán khoản nợ trên.

Về án phí: Buộc ông A và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ông A và bà T có địa chỉ cư trú tại thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai giải quyết đơn khởi kiện yêu cầu ông A và bà T phải trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập ông A và bà T tham gia tố tụng, nhưng họ không đến Tòa án theo các giấy triệu tập. Đối với ông N là người

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đang ở tại vùng có dịch bệnh nên không thể tham gia tố tụng, đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn và các chứng cứ do đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Ngày 04/10/2017 ông A và bà T vay của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn số tiền là 576.000.000đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0810/217/HĐTD/PVB-QN. Thời hạn cho vay: 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/10/2023. Mục đích sử dụng vốn: mua xe ô tô tiêu dùng. Lãi suất cho vay: theo khế ước nhận nợ, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng LSCS + Biên độ tối thiểu 4%/năm, kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm; Kỳ trả nợ hàng tháng: Ngày 04 hàng tháng. Để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, ông A và bà T dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là xe ô tô biển số 81C-13611 có Giấy đăng ký xe ô tô số 022803 ngày cấp 29/9/2017 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Gia Lai cấp cho ông A thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp số 0810/2017/HĐBĐ-PVB-QN. Hợp đồng thế chấp này đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/10/2017 theo quy định của pháp luật. Ông A và T tiếp tục quản lý, sử dụng xe ô tô biển số 81C-136.11, Ngân hàng chỉ quản lý, giữ bản gốc Giấy đăng ký xe ô tô số 022803, ngày cấp 29/9/2017 do Phòng Cảnh sát giao thông- Công an tỉnh Gia Lai cấp cho ông A.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng trong quá trình sử dụng vốn ông A và bà T không thực hiện việc trả nợ đúng thời hạn là vi phạm hợp đồng nên ngày 07/12/2019 Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam đã làm thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông A và bà T phải liên đới trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét về lãi suất: Mức lãi suất mà Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam yêu cầu ông A và bà T phải trả trong thời gian 22 tháng 16 ngày với số tiền 133.404.493đ (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) trên số tiền gốc là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên buộc ông A và bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam toàn bộ số nợ gốc là 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và nợ lãi 133.404.493đ (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Tổng cộng là 613.404.494đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

Xét về hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0810/2017/HĐBĐ-PVB-QN giữa ông A, bà T và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam: Hợp đồng thế chấp này đã được thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/10/2017 theo quy định của pháp luật. Do ông A và bà T thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Điều 7 của Hợp đồng thế chấp nói trên.

3. Xét về án phí: Ông A và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467; khoản 1 Điều 468; Điều 299; Điều 317; Khoản 6 Điều 320; Khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Buộc ông A và bà T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền nợ gốc 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày xét xử (20/8/2020) là 133.404.493đ (Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng). Tổng cộng là 613.404.494đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp ông A và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0810/2017/HĐBĐ-PVB-QN ngày 04/10/2017 để thanh toán khoản nợ của ông A và bà T.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông A và bà T phải liên đới nộp 28.536.179đ (Hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 13.848.000đ (Mười ba triệu tám trăm bốn mươi

tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004497 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Pơ;
- Chi cục THADS huyện Đak Pơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Yến Ngọc